

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/DS-PT

Ngày 14-01-2019

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Đào Hồng Cảnh

Các Thẩm phán:

Bà Đỗ Thanh Hương

Bà Lê Thị Thương Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Đỗ Đức Toàn-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Trong các ngày 26 tháng 12 năm 2018 và 14 tháng 01 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 485/2018/TLPT- DS ngày 05 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp “Đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 341/2018/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5144/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa xét xử phúc thẩm số 9859/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị L, sinh năm: 1979

Địa chỉ: 795A tổ 6, ấp 4, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tô Ngọc Minh T, sinh năm: 1973

Địa chỉ: 17A Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

(Theo giấy ủy quyền số 010733 lập ngày 23/8/2017 tại Văn phòng Công chứng Huỳnh Thị Ngọc Y)

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc H (Thích Chơn M), sinh năm 1966

Địa chỉ: 66 ấp 11, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn N - Luật sư, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Quốc S, sinh năm: 1977

Địa chỉ: 44 phường P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N - Luật sư, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo:

Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc H

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Quốc S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn trình bày: Ngày 10/01/2015 bà Hồ Thị L có vay của ông Huỳnh Kim T số tiền 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) để đầu tư kinh doanh, bà L đã sử dụng 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), còn lại 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng) thì bà L gửi cho ông Huỳnh Ngọc H (Thích Chơn M) để yên tâm làm ăn. Khi gửi tiền đôi bên không có lập văn bản, bà L chỉ yêu cầu ông H tạm giữ số tiền trên, khi nào bà L cần thì báo để ông H trả ngay. Tuy nhiên một năm sau, khi cần tiền bà L đã yêu cầu ông H trả lại số tiền này nhưng ông H không trả mà nói rằng đã đưa số tiền đó cho ông Phan Quốc S (là chồng của bà L và hiện đã ly hôn với bà L). Sau nhiều lần yêu cầu trả tiền, đến ngày 14/7/2017 ông H mới viết giấy cam kết với nội dung có nhận của bà L gửi số tiền 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng) và sẽ giao trả lại số tiền trên khi con bà L trưởng thành. Bà L không đồng ý nên có đơn khởi kiện buộc ông H phải trả lại ngay số tiền 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng) cho bà L.

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc H (Thích Chơn M) trình bày: Ông và vợ chồng bà L ông S thân quen với nhau. Giữa bà L và ông S có mâu thuẫn về tình cảm thì ông là người khuyên giải và hàn gắn tình cảm. Khoảng năm 2015 bà L có điện thoại cho ông và nhờ giữ dùm số tiền 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng). Lúc này ông đang đi công việc ở Long Thành nên ông đã từ chối. Tuy nhiên, bà L nhất định yêu cầu ông giữ tiền và mang tiền để lại trong phòng riêng của ông rồi bỏ đi. Thấy vậy, ông liên điện thoại cho ông S (là chồng của bà L) nói việc bà L gửi tiền và yêu cầu ông S mang số tiền trên về. Ông xác nhận ngày 14/7/2017, ông có viết giấy cam kết (ký tên là Thích Chơn M) với nội dung “có tạm giữ số tiền 3.500.000.000 đồng của bà L và sẽ trả lại khi con bà L trưởng thành”. Trước yêu cầu của bà L, ông không đồng ý vì hiện giờ ông không còn giữ số tiền trên mà đã giao lại cho ông S là chồng của bà L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Quốc S trình bày: Trước đây ông là chồng của bà Hồ Thị L và rất thân quen với ông Huỳnh Ngọc H (tức là thầy Thích Chơn M). Giữa ông và bà L khi có bất đồng và mâu thuẫn tình cảm thì thầy M là người khuyên giải, hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, do mâu thuẫn phát sinh trầm trọng không thể hàn gắn nên vợ chồng đã ly hôn với nhau vào tháng 12/2015. Ông xác nhận bà L có gửi số tiền 3.500.000.000 đồng cho thầy M giữ giữ và thầy M có điện thoại cho ông đến lấy lại số tiền này, vì chỗ ở của thầy không có nơi giữ tiền an toàn. Mặt khác, ông cũng là người mà thầy M tin tưởng và nhờ giữ tài sản riêng của thầy. Sau khi nhận lại số tiền 3.500.000.000 đồng, ông đã gửi tiết kiệm và có báo cho bà L biết. Theo ông thì số tiền này là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và hiện ông đã có đơn khởi kiện chia tài sản chung với bà L có liên quan đến số tiền này tại Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè. Ông không đồng ý với yêu cầu của bà L và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và quyết định:

Giữa bà L và ông H thật sự có quan hệ giao dịch dân sự về gửi giữ tài sản. Ông H hiện vẫn chưa đưa lại cho bà L số tiền nhận gửi giữ là 3.500.000.000 đồng. Do đó, bà L yêu cầu ông H phải trả lại số tiền trên là có cơ sở chấp nhận.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Hồ Thị L. Buộc ông Huỳnh Ngọc H phải trả lại cho bà Hồ Thị L số tiền 3.500.000.000 đồng, thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền. Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ông H kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm vì ông cho rằng số tiền 3.500.000.000 đồng hiện tại ông không giữ mà đã trả lại cho ông S là chồng bà L. Ông H yêu cầu hủy án sơ thẩm.

Ông S kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm vì ông cho rằng số tiền này là tài sản chung của ông và bà L, không phải là tài sản riêng. Ông đề nghị hủy án sơ thẩm và nhập vụ án với việc giải quyết chia tài sản chung mà Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đang thụ lý giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý giải quyết vụ án đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn kháng cáo: Kháng cáo của ông H và ông S là trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Bà L và ông H thực tế đã có giao dịch về việc nhận giữ tài sản là số tiền 3.500.000.000 đồng vì ông H có thừa nhận việc này (theo giấy cam kết ngày 14/7/2017). Tuy nhiên, ông H thay vì trả số tiền này cho bà L thì lại đưa cho

ông S là chồng bà L mà không thông báo cho bà L biết. Ông S thừa nhận có sự việc này, nhưng bà L không thừa nhận và giữa ông H với ông S cũng không có tài liệu, văn bản gì thể hiện việc đã giao nhận. Mặt khác, hiện giữa bà L và ông S đã ly hôn với nhau và cũng đang có đối lập về quyền lợi (đôi bên đang giải quyết tranh chấp tài sản chung tại Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè). Ngoài ra, việc xác định tài sản chung, riêng hay nghĩa vụ chung, riêng giữa bà L và ông S không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này. Do đó, yêu cầu và ý kiến của bà L buộc ông H phải trả lại số tiền 3.500.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Dành cho ông H quyền khởi kiện ông S về việc trả lại số tiền 3.500.000.000 đồng khi có yêu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Không chấp nhận kháng cáo của ông H và ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Ông Huỳnh Ngọc H và ông Phan Quốc S là đương sự trong vụ án nên có quyền kháng cáo. Đơn kháng cáo của ông H và ông S còn trong thời hạn.

[2]. Về nội dung:

Cả ông H và ông S đều kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm và có nội dung giống nhau, cụ thể yêu cầu về việc xác định rằng hiện tại ông H không còn giữ số tiền 3.500.000.000 đồng, vì số tiền này ông H đã giao lại cho ông S là chồng bà L giữ và số tiền này là tài sản chung của ông S và bà L, ông S đã có đơn khởi kiện chia tài sản chung với bà L tại Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè để nhập vụ án giải quyết theo thẩm quyền. Ngoài ra, cấp sơ thẩm vì không triệu tập ông Huỳnh Kim T (là người ký giấy cho bà L vay số tiền trên) tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Xét yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Giữa bà L và ông H (Thích Chơn M) thực tế có phát sinh giao dịch dân sự về gửi giữ tài sản, vì ông H đã thừa nhận có nhận giữ số tiền 3.500.000.000 đồng của bà L gửi (theo giấy cam kết đề ngày 14/7/2017). Ông H xác định chưa trả số tiền này trực tiếp cho bà L mà lại đưa cho ông S (là chồng cũ của bà L, hiện cả hai đã ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 385/2015/QĐST-HNGĐ ngày 10/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè).

Cấp sơ thẩm nhận định giữa bà L và ông H thật sự có quan hệ giao dịch dân sự về gửi giữ tài sản. Ông H hiện vẫn chưa đưa lại cho bà L số tiền nhận gửi giữ là 3.500.000.000 đồng. Mặc dù, hiện tại ông H không còn giữ số tiền trên và đã giao lại cho ông S (là chồng của bà L), ông S thừa nhận có việc này. Tuy nhiên, giữa bà L và ông S đã ly hôn với nhau, cả hai đang có đối lập về quyền lợi và

đang yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè giải quyết vụ án chia tài sản chung. Việc giao nhận tài sản giữa ông H với ông S không có tài liệu, chứng cứ gì thể hiện bà L đã biết việc này, bà L cũng không thừa nhận có sự việc trên. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông H phải có trách nhiệm trả ngay cho bà L số tiền 3.500.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không dành quyền khởi kiện dân sự cho ông H đối với ông S về việc đòi lại tài sản liên quan đến số tiền trên là còn thiếu sót.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm căn cứ Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án là chưa chính xác. Bởi lẽ, đôi bên phát sinh quyền và nghĩa vụ cụ thể vào năm 2017 nên cần phải căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Đối với yêu cầu triệu tập ông Tân tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để xác định nguồn gốc của số tiền 3.500.000.000 đồng và để xác định đó có phải là tài sản chung hay riêng giữa bà L với ông S là không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này mà nó thuộc phạm vi xem xét giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung giữa ông S và bà L, hiện do Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thụ lý giải quyết.

Từ những nhận định trên, nên các yêu cầu kháng cáo của ông H và ông S là không có cơ sở chấp nhận.

Dành quyền khởi kiện dân sự về việc đòi lại tài sản cho ông H đối với ông S khi có yêu cầu.

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở pháp luật nên chấp nhận.

[4]. Về án phí sơ thẩm: giữ nguyên án phí sơ thẩm.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do các yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông H và ông S phải chịu án phí phúc thẩm mỗi người là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 275, 280, 357 và 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc H và ông Phan

Quốc S.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 341/2018/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh:

Buộc ông Huỳnh Ngọc H phải trả cho bà Hồ Thị L số tiền 3.500.000 (Ba tỷ năm trăm triệu) đồng, thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Hồ Thị L có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Huỳnh Ngọc H không thi hành số tiền trên thì hàng tháng ông H phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Huỳnh Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 102.000.000 (Một trăm lẻ hai triệu) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho bà Hồ Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 51.000.000 (Năm mươi một triệu) đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0007824 ngày 21/11/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Huỳnh Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông H đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0033295 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Huỳnh Ngọc H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Ông Phan Quốc S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông S đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0033296 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phan Quốc S đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Tòa án nhân dân huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu.

Đào Hồng Cảnh